**KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II**

**MÔN: TOÁN – LỚP 6**

**I. Mục tiêu kiểm tra**

- Đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm điểu chỉnh nội dung, phương pháp dạy học và giúp đỡ học sinh một cách kịp thời, toàn diện.

- Kiểm tra kiến thức, kĩ năng ở cả 3 cấp độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng.

**II. Hình thức kiểm tra:** Hình thức kiểm tra trắc nghiệm, tự luận.

**III. Xây dựng ma trận đề kiểm tra:** Trên cơ sở phân phối số tiết (như quy định trong PPCT), kết hợp với việc xác định chuẩn quan trọng ta xây dựng đề kiểm tra như sau:

**A. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 2**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chương** | **Nội dung kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Tổng % điểm** |
| ***Nhận biết*** | ***Thông hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Vận dụng cao*** |
| ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** |  |
| **1** | **Một số yếu tố thống kê và xác suất** | ***Thu thập và tổ chức dữ liệu*** | *Thu thập, phân loại, biểu diễn dữ liệu theo các tiêu chí cho trước.* | 1(0,5đ) |  |  |  |  |  |  |  | **2****1,0đ****10%** |
| *Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ* |  |  | 1(0,5đ) |  |  |  |  |  |
| ***Phân tích và xử lí dữ liệu*** | *Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ thống kê đã có*  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Một số yếu tố xác suất*** | *Làm quen với một số mô hình xác suất đơn giản. Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản.* |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *Mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản.* |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Phân số và số thập phân** | ***Phân số*** | *Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số* |  |  |  |  |  |  |  |  | **10****6,0đ****60%** |
| *Các phép tính với phân số* |  |  |  | 1(0,5đ) |  | 1(0,5đ) |  |  |
| ***Số thập phân*** | *Số thập phân và các phép tính với số thập phân. Ước lượng và làm tròn số. Tỉ số và tỉ số phần trăm* | 2(1,0đ) |  |  | 3(1,5đ) |  | 3(2,5đ) |  |  |
| **3** | **Hình học phẳng** | *Điểm, đường thẳng, tia* |  | 1(1,0đ) |  |  |  |  |  |  | **5****3,0đ****30%** |
| *Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng* |  |  |  | 2(1,0đ) |  |  |  |  |
| *Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc* | 2(1,0đ) |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Tổng: Số câu******Điểm*** | **5****(2,5đ)** | **1****(1,0đ)** | **1****(0,5đ)** | **6****(3,0đ)** |  | **4****(3,0đ)** |  |  | **17****(10đ)** |
| ***Tỉ lệ*** | **35%** | **35%** | **30%** |  | **100%** |
| ***Tỉ lệ chung*** | **70%** | **30%** | **100%** |

***Lưu ý:****– Các câu hỏi trắc nghiệm khách quan là các câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu, mỗi câu hỏi có 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.– Các câu hỏi tự luận là các câu hỏi ở mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao.– Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,5 điểm/câu; số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.*

**B. BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 2**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chương** | **Nội dung kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ** |
| ***Nhận biết*** | ***Thông hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Vận dụng cao*** |
| **1** | **Một số yếu tố thống kê và xác suất** | ***Thu thập và tổ chức dữ liệu*** | *Thu thập, phân loại, biểu diễn dữ liệu theo các tiêu chí cho trước.* | ***Nhận biết:***‒ Nhận biết được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí đơn giản.– Nêu được đối tượng thống kê, tiêu chí thống kê.***Thông hiểu:*** ‒ Thực hiện được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ những nguồn: bảng biểu, kiến thức trong các môn học khác. | 1TN |  |  |  |
| *Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ* | ***Nhận biết:***‒ Đọc được các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (column chart).***Thông hiểu:***‒ Mô tả được các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (column chart).***Vận dụng:*** ‒ Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (column chart). |  | 1TN |  |  |
| ***Phân tích và xử lí dữ liệu*** | *Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ thống kê đã có*  | ***Nhận biết:***‒ Nhận biết được mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học trong Chương trình lớp 6 (ví dụ: Lịch sử và Địa lí lớp 6, Khoa học tự nhiên lớp 6,...) và trong thực tiễn (ví dụ: khí hậu, giá cả thị trường...).***Thông hiểu:***‒ Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đó dạng cột/cột kép (column chart).***Vận dụng:***‒ Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (column chart). |  |  |  |  |
| ***Một số yếu tố xác suất*** | *Làm quen với một số mô hình xác suất đơn giản. Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản.* | ***Nhận biết:***‒ Làm quen với mô hình xác suất trong một số trò chơi, thí nghiệm đơn giản (ví dụ: ở trò chơi tung đồng xu thì mô hình xác suất gồm hai khả năng ứng với mặt xuất hiện của đồng xu,...).***Thông hiểu:***‒ Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản. |  |  |  |  |
| *Mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản.* | ***Vận dụng:***‒ Sử dụng được phân số để mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần thông qua kiểm đếm số lần lặp lại của khả năng đó trong một số mô hình xác suất đơn giản. |  |  |  |  |
| **2** | **Phân số và số thập phân** | ***Phân số*** | *Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số* | ***Nhận biết:***‒ Nhận biết được phân số với tử số hoặc mẫu số là số nguyên âm.‒ Nhận biết được khái niệm hai phân số bằng nhau và nhận biết được quy tắc bằng nhau của hai phân số.‒ Nêu được hai tính chất cơ bản của phân số.‒ Nhận biết được số đối của một phân số.‒ Nhận biết được hỗn số dương.***Thông hiểu:***‒ So sánh được hai phân số cho trước. |  |  |  |  |
| *Các phép tính với phân số* | ***Thông hiểu:***‒ Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia phân số với phân số.‒ Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó. ***Vận dụng:***‒ Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).‒ Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (*đơn giản, quen thuộc*) gắn với các phép tính về phân số (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí,...).***Vận dụng cao:***‒ Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (*phức hợp, không quen thuộc*) gắn với các phép tính về phân số.‒ Tính tổng dãy số có quy luật.‒ Tìm điều kiện để phân số là phân số tối giản, phân số có giá trị nguyên, … |  | 1TL | 1TL |  |
| ***Số thập phân*** | *Số thập phân và các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm* | ***Nhận biết:***‒ Nhận biết được số thập phân âm, số đối của một số thập phân.***Thông hiểu:***‒ So sánh được hai số thập phân cho trước.‒ Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với số thập phân.‒ Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng.‒ Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân.‒ Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó.***Vận dụng:***‒ Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).‒ Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (*đơn giản, quen* thuộc) gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (ví dụ: các bài toán liên quan đến lãi suất tín dụng, liên quan đến thành phần các chất trong Hoá học,...).***Vận dụng cao:*** ‒ Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (*phức hợp, không quen thuộc*) gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm. | 2TN | 3TL | 3TL |  |
| **3** | **Hình học phẳng** | *Điểm, đường thẳng, tia* | ***Nhận biết:***‒ Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng: điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề về đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt.‒ Nhận biết được khái niệm hai đường thẳng cắt nhau, song song.‒ Nhận biết được khái niệm ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng.‒ Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm.‒ Nhận biết được khái niệm tia, hai tia đối nhau. | 1TL |  |  |  |
| *Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng* | ***Nhận biết:***‒ Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng.***Thông hiểu:*** ‒ Xác định được điểm nằm giữa hai điểm khi biết độ dài các đoạn thẳng.‒ Tính được độ dài đoạn thẳng.– Giải thích được một điểm là trung điểm của một đoạn thẳng. |  | 2TL |  |  |
| *Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc* | ***Nhận biết:***‒ Nhận biết được khái niệm góc, điểm trong của góc (không đề cập đến góc lõm).‒ Nhận biết được các góc đặc biệt (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt).‒ Nhận biết được khái niệm số đo góc. | 2TN |  |  |  |

**C. ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS** **TỔ TOÁN - TIN****ĐỀ A** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 2****NĂM HỌC 2023 - 2024****MÔN: TOÁN – LỚP 6***Thời gian: 90 phút**(Không kể thời gian giao đề)* |

**Họ tên học sinh: ………………………………………Lớp: …………………………**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ĐIỂM TRẮC NGHIỆM** | **ĐIỂM TỰ LUẬN** | **TỔNG ĐIỂM** |
|  |  |  |

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN *(3,0 điểm)***

Hãy khoanh tròn vào phương án đúng duy nhất trong mỗi câu dưới đây:

**Câu 1.** Liệt kê các số nguyên tố nhỏ hơn 10. Dãy dữ liệu mà các dữ liệu đều hợp lí là:

 A. ; B. ; C. ; D. .

**Câu 2.** Điều tra môn thể thao yêu thích nhất của tất cả học sinh lớp  thu được bảng kiểm đếm như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Bơi** | **Bóng đá** | **Đá cầu** |
| Nam |  |  |  |
| Nữ |  |  |  |

Tổng số học sinh của lớp  là bao nhiêu học sinh? Biết mỗi bạn chỉ được chọn một môn thể thao yêu thích.

 A. 30; B. 35; C. 36; D. 40.

**Câu 3.** Làm tròn số  đến hàng phần mười ta được kết quả là

 A. ; B. ; C. ; D. .

**Câu 4.** Phân số  được viết dưới dạng số thập phân là:

1. ; B. ; C. ; D. .

**Câu 5.** Góc có hai cạnh là  là

 A. Góc ; B. Góc ; C. Góc ; D. Góc .

**Câu 6.** Khẳng định nào sau đây là **đúng**?

 A. Góc có số đo  là góc vuông; B. Góc có số đo  là góc tù;

 C. Góc có số đo  là góc nhọn; D. Góc có số đo  là góc tù.

**PHẦN II. TỰ LUẬN *(7,0 điểm)***

**Bài 1. *(2,0 điểm)*** Thực hiện phép tính (tính hợp lí nếu có thể):

a) $1,56+8,44:4,22$ b) $\frac{5}{-8}+\frac{7}{8}$

 c) $125\% . \frac{20}{15}-4\frac{2}{3}$ d) $\left(\frac{617}{191}+\frac{29}{33}-\frac{115}{117}\right).\left(\frac{1}{4}+\frac{-1}{5}-\frac{1}{20}\right)$

**Bài 2. *(1,0 điểm)*** Tìm , biết:

 a) $-6,5.x=0,65$ b) $0,6-x=-\frac{1}{2}$

**Bài 3. *(2,0 điểm)*** Bạn An tham gia đội hoạt động tình nguyện thu rác thải trong xóm. Hết ngày An thu được 20kg rác. Nếu An đem $\frac{4}{5}$ số rác đi đổi cây thì hỏi An đã mang bao nhiêu ki-lô-gam rác đi đổi cây?

**Bài 4. *(2,0 điểm)*** Trên tia  lấy hai điểm  sao cho $OM=2cm;$

$ON=5cm$.

1. Vẽ hình. Trong ba điểm $O;M;N$ điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại?
2. Tính độ dài đoạn thẳng $MN$.
3. Vẽ tia $Ox'$ là tia đối của tia $Ox$, lấy điểm $D$ trên tia $Ox'$ sao cho $OD=1cm$. Điểm $M$ có phải trung điểm của đoạn thẳng $ND$ không? Vì sao?

**------------ HẾT ------------**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS** **TỔ TOÁN - TIN****ĐỀ B** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 2****NĂM HỌC 2023 - 2024****MÔN: TOÁN – LỚP 6***Thời gian: 90 phút**(Không kể thời gian giao đề)* |

**Họ tên học sinh: ………………………………………Lớp: …………………………**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ĐIỂM TRẮC NGHIỆM** | **ĐIỂM TỰ LUẬN** | **TỔNG ĐIỂM** |
|  |  |  |

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN *(3,0 điểm)***

Hãy khoanh tròn vào phương án đúng duy nhất trong mỗi câu dưới đây:

**Câu 1.** Liệt kê các số nguyên tố nhỏ hơn 13. Dãy dữ liệu mà các dữ liệu đều hợp lí là:

 A. $2;3;5;7;9;$ B. $1;3;5;7;11;$

 C. $2;3;5;7;11;$ D. $1;2;3;5;7;11$.

**Câu 2.** Điều tra môn thể thao yêu thích nhất của tất cả học sinh lớp  thu được bảng kiểm đếm như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Bơi** | **Bóng đá** | **Đá cầu** |
| Nam |  |  |  |
| Nữ |  |  |  |

Môn thể thao được yêu thích nhiều nhất là gì? Biết mỗi bạn chỉ được chọn một môn thể thao yêu thích.

 A. Đá cầu; B. Bóng đá;

 C. Bơi; D. Cả 3 đều đúng.

**Câu 3.** Làm tròn số  đến hàng phần trăm ta được kết quả là

1. ; B. ; C. ; D. .

**Câu 4.** Phân số $\frac{32}{10}$ được viết dưới dạng số thập phân là:

1. $0,32$; B. $-0,32$; C. $3,2$; D. $-\frac{32}{10}$.

**Câu 5.** Góc  dưới đây có số đo là



 A. ; B. ; C. ; D. .

**Câu 6.** Khẳng định nào sau đây là **đúng**?

 A. Góc có số đo  là góc nhọn; B. Góc có số đo  là góc vuông;

 C. Góc có số đo  là góc bẹt; D. Góc có số đo  là góc tù.

**PHẦN II. TỰ LUẬN *(7,0 điểm)***

**Bài 1. *(2,0 điểm)*** Thực hiện phép tính (tính hợp lí nếu có thể):

a) $1,56+8,44:4,22$ b) $\frac{5}{-8}+\frac{7}{8}$

 c) $125\% . \frac{20}{15}-4\frac{2}{3}$ d) $\left(\frac{617}{191}+\frac{29}{33}-\frac{115}{117}\right).\left(\frac{1}{4}+\frac{-1}{5}-\frac{1}{20}\right)$

**Bài 2. *(1,0 điểm)*** Tìm , biết:

 a) $-6,5.x=0,65$ b) $0,6-x=-\frac{1}{2}$

**Bài 3. *(2,0 điểm)*** Bạn An tham gia đội hoạt động tình nguyện thu rác thải trong xóm. Hết ngày An thu được 20kg rác. Nếu An đem $\frac{4}{5}$ số rác đi đổi cây thì hỏi An đã mang bao nhiêu ki-lô-gam rác đi đổi cây?

**Bài 4. *(2,0 điểm)*** Trên tia  lấy hai điểm  sao cho $OM=2cm;$

$ON=5cm$.

1. Vẽ hình. Trong ba điểm $O;M;N$ điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại?
2. Tính độ dài đoạn thẳng $MN$.
3. Vẽ tia $Ox'$ là tia đối của tia $Ox$, lấy điểm $D$ trên tia $Ox'$ sao cho $OD=1cm$. Điểm $M$ có phải trung điểm của đoạn thẳng $ND$ không? Vì sao?

**------------ HẾT ------------**

**D. ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 2**

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN *(3,0 điểm)***

***Đề A***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. C** | **2. C** | **3. A** | **4. C** | **5. B** | **6. D** |

***Đề B***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. A** | **2. B** | **3. C** | **4. D** | **5. C** | **6. C** |

**PHẦN II. TỰ LUẬN *(7,0 điểm)***

|  |  |
| --- | --- |
| ***Đáp án*** | ***Điểm*** |
| **Bài 1. *(2,0 điểm)*** a) $1,56+8,44:4,22=1,56+2$$=3,56$ b) $\frac{5}{-8}+\frac{7}{8}=\frac{-5}{8}+\frac{7}{8}$$=\frac{2}{8}=\frac{1}{4}$ $=\left(\frac{617}{191}+\frac{29}{33}-\frac{115}{117}\right).\frac{0}{20}=\left(\frac{617}{191}+\frac{29}{33}-\frac{115}{117}\right).0=0$ c) $125\% . \frac{20}{15}-4\frac{2}{3}=\frac{125}{100}.\frac{20}{15}-\frac{14}{3}$$=\frac{2500}{1500}-\frac{14}{3}=\frac{5}{3}-\frac{14}{3}=\frac{-9}{3}=-3$ d) $\left(\frac{617}{191}+\frac{29}{33}-\frac{115}{117}\right).\left(\frac{1}{4}+\frac{-1}{5}-\frac{1}{20}\right)=\left(\frac{617}{191}+\frac{29}{33}-\frac{115}{117}\right).\left(\frac{5}{20}+\frac{-4}{20}-\frac{1}{20}\right)$ | ***0,25đ******0,25đ******0,25đ******0,25đ******0,25đ******0,25đ******0,25đ******0,25đ*** |
| **Bài 2.** ***(1,0 điểm)***

|  |  |
| --- | --- |
| a) $-6,5.x=0,65$$$x=\frac{0,65}{-6,5}$$$x=-0,1$  | b) $0,6-x=-\frac{1}{2}$$$x=0,6-\left(-\frac{1}{2}\right)$$$$x=1,1$$ |

 | ***0,5đ******0,5đ*** |
| **Bài 3.** ***(2,0 điểm)*** An đã mang bao nhiêu ki-lô-gam rác đi đổi cây là:$20.\frac{4}{5}=16$ (kg rác) | ***0,5đ******1,5đ*** |
| **Bài 4.** ***(2,0 điểm)*** a) Trên tia $Ox$ có $OM<ON (2cm<5cm)$ nên điểm $M$ nằm giữa 2 điểm còn lại $O và N$.b) Vì điểm $M$ nằm giữa 2 điểm $O$ và $N$ nên ta có $OM+MN=ON$$$MN=ON-OM=5-2=3 (cm)$$c) Điểm $M,N$ nằm trên tia $Ox$; điểm $D $nằm trên tia $Ox'$.Mà tia $Ox và Ox'$ là 2 tia đối nhau nên điểm $M$ nằm giữa điểm $N và D$. (1) Ta có: $MD=OD+OM=1+2=3cm=MN$. (2)Từ (1) và (2) suy ra điểm $M$ là trung điểm của đoạn thẳng $ND$. | ***0,5đ******0,25đ******0,25đ******0,25đ******0,25đ******0,25đ******0,25đ*** |

***Lưu ý: Học sinh làm cách khác đúng thì vẫn cho điểm tối đa.***